

UNIT 11:

TRAVELLING IN THE FUTURE

SKILLS 1

- invent	(v) : phát minh
- invention	(n) : sự phát minh
- inventor	(n) : nhà phát minh
- flop	(v) : thất bại
- personal hover scooter	(n) : xe hầy
- monowheel	(n) : xe đạp 1 bánh
- weird	(adj) : kì lạ
- pull	(v) : kéo
- push	(v) : đẩy
- forward	(adv) : về phía trước
- eco-friendly	(adj) : thân thiện với môi trường